



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 01 (Từ số báo danh 001 - 023)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	001	Bùi Bảo An	11/05/2014	Lai Cách	6,00	8,00	
2	002	Đào Bảo An	16/01/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,50	
3	003	Nguyễn Bảo An	11/08/2014	Cẩm Văn	5,75	6,00	
4	004	Nguyễn Danh An	14/01/2014	Cẩm Đoài	6,25	5,75	
5	005	Vũ Đình Phước An	09/10/2014	Cao An	7,00	7,50	
6	006	Nguyễn Đoàn Bảo An	15/07/2014	Cẩm Văn	6,75	7,25	
7	007	Phạm Hoài An	08/02/2014	Tân Trường 2	7,25	8,50	
8	008	Phạm Khánh An	26/02/2014	Định Sơn	6,25	6,75	
9	009	Nguyễn Minh An	14/10/2014	Cẩm Đoài	7,50	7,75	
10	010	Đỗ Ngọc Bảo An	01/06/2014	Tứ Minh	8,25	7,75	
11	011	Vũ Ngọc Gia An	02/07/2014	Lai Cách	7,00	5,00	
12	012	Nguyễn Thái Hà An	06/08/2014	Cẩm Văn	7,25	7,00	
13	013	Phạm Thị Bảo An	19/08/2014	Đức Chính	6,25	6,00	
14	014	Mai Thị Tâm An	10/05/2014	Cẩm Đông	5,75	5,50	
15	015	Vũ Bá Quang Anh	13/03/2014	Lai Cách	5,25	7,50	
16	016	Nguyễn Diệp Anh	20/03/2014	Lai Cách	6,50	4,25	
17	017	Nguyễn Diệp Anh	17/08/2014	Lai Cách	6,50	7,00	
18	018	Nguyễn Duy Anh	11/02/2014	Lai Cách	6,50	7,75	
19	019	Đình Duyên Anh	20/08/2014	Tân Trường 2	5,00	4,00	
20	020	Nguyễn Đức Anh	12/04/2014	Lai Cách	7,50	7,00	
21	021	Nguyễn Đức Anh	16/09/2014	Lai Cách	6,50	6,50	
22	022	Phạm Đức Anh	04/09/2014	Lai Cách	7,75	7,50	
23	023	Nguyễn Hồng Anh	01/05/2014	Định Sơn	6,25	7,75	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



PHIẾU THU BÀI
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 02 (Từ số báo danh 024 - 046)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	024	Đặng Huy Anh	09/05/2014	Tứ Minh	5,25	5,50	
2	025	Đào Huyền Anh	06/02/2014	Lương Điền	4,00	6,00	
3	026	Phạm Huyền Anh	20/12/2014	Lý Tự Trọng	7,50	7,25	
4	027	Phùng Huyền Anh	17/12/2014	Cẩm Đông	7,00	7,25	
5	028	Phạm Kiệt Anh	24/09/2014	Lai Cách	7,00	8,25	
6	029	Hoàng Kim Anh	05/06/2014	Lương Điền	6,75	8,50	
7	030	Vũ Lệnh Việt Anh	10/08/2014	Tân Trường 1	6,50	7,00	
8	031	Nguyễn Lưu Tuấn Anh	01/04/2014	Lai Cách	5,50	7,75	
9	032	Nguyễn Mai Anh	31/03/2014	Đức Chính	7,25	6,50	
10	033	Đào Mạnh Cường Anh	26/04/2014	Cẩm Phúc	6,75	8,00	
11	034	Đặng Minh Anh	29/08/2014	Đức Chính	4,25	3,50	
12	035	Nguyễn Ngọc Diệu Anh	01/04/2014	Cẩm Đông	6,75	7,50	
13	036	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	08/10/2014	Cẩm Hoàng	4,00	7,75	
14	037	Trần Nguyễn Hùng Anh	15/06/2014	Định Sơn	5,75	6,25	
15	038	Lại Nhật Anh	17/04/2014	Tân Trường 1	5,25	8,50	
16	039	Hoàng Phạm Trâm Anh	28/09/2014	Lai Cách	7,00	5,50	
17	040	Vũ Phan Quốc Anh	17/07/2014	Cẩm Đông	7,25	7,50	
18	041	Vũ Phương Anh	18/09/2014	Cẩm Đoài	7,75	8,50	
19	042	Vũ Phương Anh	30/04/2014	Lai Cách	5,75	5,00	
20	043	Nguyễn Quỳnh Anh	12/03/2014	Cẩm Đoài	5,50	4,00	
21	044	Nguyễn Quỳnh Anh	12/07/2014	Lai Cách	6,75	6,00	
22	045	Nguyễn Quỳnh Anh	16/01/2014	Lai Cách	8,00	7,25	
23	046	Nguyễn Quỳnh Anh	30/05/2014	Lai Cách	6,75	6,50	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 03 (Từ số báo danh 047 - 069)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	047	Vũ Quỳnh Anh	22/03/2014	Cẩm Đoài	7,25	7,75	
2	048	Tạ Tú Anh	09/09/2014	Định Sơn	3,25	5,50	
3	049	Đinh Tuấn Anh	29/01/2014	Tứ Minh	7,50	7,10	
4	050	Lưu Thảo Anh	02/07/2014	Lai Cách	6,50	7,00	
5	051	Nguyễn Thảo Anh	03/02/2014	Lai Cách	6,75	6,50	
6	052	Vũ Thảo Anh	28/07/2014	Tân Trường 2	7,50	7,25	
7	053	Nguyễn Thị Huyền Anh	10/03/2014	Tân Trường 2	8,00	8,00	
8	054	Vũ Thị Lâm Anh	05/02/2014	Cẩm Hoàng	6,50	4,50	
9	055	Nguyễn Thị Ngọc Anh	05/01/2014	Đức Chính	7,00	2,00	
10	056	Nguyễn Thị Phương Anh	16/06/2014	Lai Cách	8,00	4,75	
11	057	Vũ Thị Quỳnh Anh	26/01/2014	Lai Cách	3,75	6,00	
12	058	Lê Thị Vân Anh	27/10/2014	Lai Cách	5,25	3,75	
13	059	Nguyễn Thu Hà Anh	06/09/2014	Cẩm Đoài	6,00	5,50	
14	060	Nguyễn Trâm Anh	12/05/2014	Định Sơn	7,75	6,25	
15	061	Vũ Trọng Trung Anh	04/03/2014	Cẩm Đông	6,25	7,00	
16	062	Thọ Văn Hải Anh	28/10/2014	Lương Điền	5,50	6,50	
17	063	Vũ Việt Anh	18/11/2014	Lai Cách	6,75	5,00	
18	064	Nguyễn Vũ Đức Anh	17/07/2014	Cẩm Đông	4,75	8,00	
19	065	Cao Vũ Lan Anh	16/12/2014	Đức Chính	5,75	7,25	
20	066	Nguyễn Vũ Trâm Anh	25/04/2014	Lai Cách	8,25	7,50	
21	067	Nguyễn Ngọc Ánh	17/12/2014	Cẩm Hoàng	6,00	7,50	
22	068	Hà Nguyệt Ánh	21/01/2014	Lai Cách	7,75	8,75	
23	069	Lưu Thị Ngọc Ánh	02/02/2014	Lai Cách	7,00	6,50	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 04 (Từ số báo danh 070 - 092)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	070	Nguyễn Hữu Hoàng Bách	28/08/2014	Cẩm Hoàng	8,00	7,75	
2	071	Vũ Xuân Hoàng Bách	30/08/2014	Đức Chính	8,25	5,50	
3	072	Đào Gia Bảo	10/10/2014	Tân Trường 1	6,25	7,25	
4	073	Hà Gia Bảo	17/01/2014	Cẩm Văn	6,25	5,50	
5	074	Hoàng Gia Bảo	24/12/2014	Lai Cách	5,75	4,00	
6	075	Vũ Gia Bảo	17/10/2014	Lai Cách	6,75	7,25	
7	076	Vũ Thiên Bảo	23/05/2014	Lai Cách	6,75	8,00	
8	077	Đào Trí Bảo	23/04/2014	Cẩm Vũ	6,75	7,00	
9	078	Trần Trí Bảo	29/12/2014	Định Sơn	6,25	4,25	
10	079	Phạm Thị Ngọc Bích	21/06/2014	Lương Điền	7,50	8,25	
11	080	Vũ Trọng Bình	27/09/2014	Lai Cách	7,00	7,00	
12	081	Nguyễn Ngọc Bảo Châm	19/01/2014	Lai Cách	8,00	7,50	
13	082	Nguyễn Ánh Ngọc Châu	29/10/2014	Lương Điền	7,25	6,00	
14	083	Bùi Bảo Châu	09/09/2014	Tân Trường 1	7,75	8,50	
15	084	Nguyễn Hải Châu	15/07/2014	Tân Trường 2	7,25	7,75	
16	085	Nguyễn Minh Châu	20/07/2014	Tân Trường 2	7,00	7,50	
17	086	Phạm Minh Châu	06/10/2014	Tân Trường 1	7,75	5,00	
18	087	Phạm Minh Châu	25/07/2014	Cẩm Văn	6,00	6,75	
19	088	Lê Ngọc Minh Châu	05/06/2014	Cao An	6,75	6,25	
20	089	Hoàng Thị Bảo Châu	18/01/2014	Cẩm Văn	5,00	7,00	
21	090	Nguyễn Diệp Chi	25/08/2014	Lai Cách	6,00	7,25	
22	091	Nguyễn Diệp Chi	29/07/2014	Lai Cách	4,50	5,00	
23	092	Trương Diệp Chi	19/10/2014	Đức Chính	5,00	6,00	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 05 (Từ số báo danh 093 - 115)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	093	Nguyễn Hà Chi	13/12/2014	Lai Cách	8,75	7,25	
2	094	Vũ Hoàng Khánh Chi	29/04/2014	Lai Cách	8,75	7,50	
3	095	Phạm Lê Quỳnh Chi	15/10/2014	Lương Điền	7,00	6,50	
4	096	Lê Ngọc Quỳnh Chi	29/09/2014	Cẩm Đông	6,75	7,75	
5	097	Nguyễn Nhật Mai Chi	08/05/2014	Lai Cách	5,00	5,00	
6	098	Hyun Phạm Quỳnh Chi	10/11/2014	Tân Trường 2	7,50	7,00	
7	099	Bùi Phạm Thảo Chi	30/07/2014	Tứ Minh	6,50	8,00	
8	100	Đinh Quỳnh Chi	29/04/2014	Lai Cách	8,25	7,50	
9	101	Hoàng Quỳnh Chi	17/03/2014	Cẩm Vũ	6,75	7,50	
10	102	Lưu Quỳnh Chi	05/04/2014	Lai Cách	6,25	7,60	
11	103	Vũ Quỳnh Chi	25/02/2014	Lai Cách	7,50	7,50	
12	104	Mai Thảo Chi	29/07/2014	Lai Cách	7,25	4,75	
13	105	Nguyễn Thảo Chi	20/09/2014	Lai Cách	6,50	6,50	
14	106	Mai Thảo Quỳnh Chi	29/11/2014	Lai Cách	6,00	4,25	
15	107	Bùi Thị Bảo Chi	07/05/2014	Tứ Minh	6,50	5,00	
16	108	Cao Thục Chi	02/02/2014	Cẩm Đông	6,25	7,50	
17	109	Vũ Thùy Chi	17/06/2014	Cẩm Điền	6,00	6,00	
18	110	Nguyễn Minh Chí	30/09/2014	Cẩm Đoài	6,00	7,25	
19	111	Bùi Đức Chung	05/11/2014	Lai Cách	6,25	7,00	
20	112	Lưu Phương Diễm	27/10/2014	Tứ Minh	5,50	6,25	
21	113	Nguyễn Thị Thu Diễm	17/03/2014	Cao An	7,25	7,50	
22	114	Nguyễn Vũ Quỳnh Diễm	10/03/2014	Lai Cách	7,25	6,50	
23	115	Vũ Hồ Ngọc Diệp	09/03/2014	Cẩm Đoài	7,25	6,00	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 06 (Từ số báo danh 116 - 138)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	116	Lê Ngọc Diệp	28/12/2014	Lai Cách	7,50	6,00	
2	117	Nguyễn Ngọc Diệp	14/08/2014	Cẩm Đoài	7,00	7,25	
3	118	Phạm Ngọc Diệp	15/04/2014	Cẩm Đông	6,25	6,50	
4	119	Trần Ngọc Diệp	23/11/2014	Cẩm Đông	6,25	7,50	
5	120	Ngô Thu Diệp	25/10/2014	Cẩm Đông	4,25	5,50	
6	121	Nguyễn Trần Trúc Diệp	13/06/2014	Cao An	6,00	7,60	
7	122	Nguyễn Thế Doanh	01/11/2014	Tứ Minh	4,25	6,00	
8	123	Nguyễn Thị Kim Dung	25/10/2014	Cẩm Đông	6,00	4,00	
9	124	Vũ Ngọc Duy	10/11/2014	Lý Tự Trọng	2,00	2,00	
10	125	Lương Mỹ Duyên	03/08/2014	Cẩm Điền	6,75	8,25	
11	126	Vũ Thị Kỳ Duyên	24/12/2014	Tân Trường 2	5,50	5,00	
12	127	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	14/04/2014	Tân Trường 1	6,50	3,50	
13	128	Bùi Ánh Dương	09/01/2014	Lai Cách	6,25	6,00	
14	129	Vũ Ánh Dương	28/09/2014	Cẩm Đoài	6,25	6,00	
15	130	Hà Hải Dương	17/11/2014	Cẩm Đông	5,50	7,00	
16	131	Nguyễn Tuấn Dương	04/01/2014	Cẩm Văn	5,25	8,00	
17	132	Lưu Tùng Dương	14/08/2014	Lai Cách	5,25	8,00	
18	133	Nguyễn Thuỳ Dương	08/03/2014	Cẩm Phúc	5,75	7,50	
19	134	Vương Đức Tiến Đạt	18/07/2014	Tân Trường 2	8,00	7,75	
20	135	Nguyễn Tiến Đạt	05/01/2014	Cẩm Văn	6,75	6,75	
21	136	Vũ Tiến Đạt	06/11/2014	Tân Trường 2	8,50	7,25	
22	137	Ngô Tuấn Đạt	28/08/2014	Cẩm Đông	8,00	8,00	
23	138	Trịnh Văn Thành Đạt	29/01/2014	Cẩm Phúc	6,25	7,50	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 07 (Từ số báo danh 139 - 161)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	139	Trần Viết Đạt	31/07/2014	Cẩm Vũ	9,00	9,00	
2	140	Trần Xuân Đạt	15/06/2014	Tân Trường 1	8,50	7,50	
3	141	Đỗ Hải Đăng	15/05/2014	Đức Chính	7,75	7,50	
4	142	Nguyễn Hải Đăng	11/01/2014	Lai Cách	7,75	5,75	
5	143	Vũ Hải Đăng	27/10/2014	Cẩm Phúc	9,00	7,50	
6	144	Nguyễn Hữu Hải Đăng	11/07/2014	Tân Trường 1	8,00	6,25	
7	145	Nguyễn Khắc Hải Đăng	26/06/2014	Cẩm Phúc	8,25	6,75	
8	146	Nguyễn Văn Hải Đăng	18/05/2014	Lai Cách	5,25	5,50	
9	147	Phạm Minh Đức	29/11/2014	Cẩm Phúc	5,75	6,50	
10	148	Vũ Minh Đức	05/07/2014	Tân Trường 1	7,75	7,50	
11	149	Lê Hương Giang	12/11/2014	Cẩm Đông	7,75	7,50	
12	150	Nguyễn Thu Giang	02/09/2014	Cẩm Giang	4,50	6,50	
13	151	Nguyễn Thanh Hà	03/06/2014	Tân Trường 2	3,50	5,25	
14	152	Nguyễn Thị Ngọc Hà	12/01/2014	Cẩm Phúc	6,75	7,50	
15	153	Phạm Thu Hà	24/01/2014	Định Sơn	7,75	4,50	
16	154	Phạm Huy Hoàng Hải	21/08/2014	Lai Cách	6,50	7,50	
17	155	Ngô Quang Hào	15/04/2014	Cẩm Đông	6,00	7,75	
18	156	Nguyễn Bảo Hân	10/04/2014	Cao An	7,50	6,50	
19	157	Nguyễn Gia Hân	21/08/2014	Tân Trường 2	7,50	7,50	
20	158	Lưu Thị Thanh Hiền	18/09/2014	Lai Cách	6,00	5,50	
21	159	Nguyễn Thu Hiền	20/05/2014	Lai Cách	6,75	6,00	
22	160	Mai Công Hiếu	29/01/2014	Lai Cách	8,00	7,75	
23	161	Đỗ Danh Hiếu	01/01/2014	Tân Trường 1	6,25	8,00	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 08 (Từ số báo danh 162 - 184)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	162	Đỗ Mạnh Hiếu	25/11/2014	Lai Cách	5,00	6,50	
2	163	Nguyễn Minh Hiếu	29/09/2014	Lai Cách	4,75	7,25	
3	164	Đỗ Thanh Hoa	13/10/2014	Cao An	7,50	7,25	
4	165	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	15/05/2014	Lai Cách	6,50	7,25	
5	166	Nguyễn Khánh Hòa	17/08/2014	Cẩm Hoàng	7,50	6,00	
6	167	Nguyễn Trọng Thái Hòa	25/03/2014	Lai Cách	5,25	6,50	
7	168	Nguyễn Việt Hòa	16/01/2014	Cẩm Vũ	7,25	7,25	
8	169	Nguyễn Huy Hoàng	21/08/2014	Lai Cách	7,25	6,25	
9	170	Phạm Huy Hoàng	09/06/2014	Lai Cách	4,75	6,50	
10	171	Nguyễn Huy Hùng	26/07/2014	Lai Cách	8,00	8,25	
11	172	Trần Mạnh Hùng	30/04/2014	Lai Cách	8,25	8,00	
12	173	Đoàn Gia Huy	10/02/2014	Lai Cách	7,25	6,75	
13	174	Phạm Minh Huy	11/07/2014	Tứ Minh	6,25	5,75	
14	175	Nguyễn Ngọc Gia Huy	05/02/2014	Cẩm Hoàng	6,00	6,50	
15	176	Nguyễn Sỹ Gia Huy	25/07/2014	Lai Cách	6,75	6,00	
16	177	Đỗ Văn Huy	06/04/2014	Lai Cách	6,25	6,75	
17	178	Vũ Văn Huy	29/06/2014	Lai Cách	8,00	6,00	
18	179	Đào Việt Huy	16/04/2014	Cẩm Phúc	7,50	7,75	
19	180	Nguyễn Khánh Huyền	08/03/2014	Thạch Lỗi	4,75	6,50	
20	181	Nguyễn Thanh Huyền	27/12/2014	Cẩm Phúc	7,25	4,75	
21	182	Nguyễn Thị Thu Huyền	22/08/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,00	
22	183	Phạm Thế Huynh	08/10/2014	Định Sơn	6,25	6,00	
23	184	Lê Gia Hưng	19/08/2014	Lai Cách	7,00	8,00	

Phòng kiểm tra gồm có 23 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 09 (Từ số báo danh 185 - 206)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	185	Vũ Xuân Duy Hưng	27/09/2014	Lương Điền	7,50	8,25	
2	186	Trần Hà Thiên Hương	20/05/2014	Lai Cách	8,00	8,50	
3	187	Nguyễn Hoàng Quỳnh Hương	06/03/2014	Lai Cách	5,50	3,00	
4	188	Trần Mai Hương	02/07/2014	Lai Cách	7,75	7,50	
5	189	Nguyễn Đăng Huy Hường	07/03/2014	Cẩm Hoàng	8,00	8,75	
6	190	Đoàn Gia Kiên	05/12/2014	Cẩm Đông	7,00	7,00	
7	191	Nguyễn Anh Kiệt	03/04/2014	Cẩm Đông	4,00	6,00	
8	192	Nguyễn Anh Kiệt	18/03/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,50	
9	193	Ứng Anh Kiệt	11/10/2014	Cẩm Điền	6,25	5,50	
10	194	Vũ Minh Kiệt	06/10/2014	Cẩm Đoài	6,50	6,50	
11	195	Phạm Quang Tuấn Kiệt	31/01/2014	Lai Cách	7,50	7,00	
12	196	Bùi Tuấn Kiệt	06/03/2014	Định Sơn	7,25	8,00	
13	197	Nguyễn Tuấn Kiệt	19/10/2014	Cao An	8,00	6,75	
14	198	Nguyễn Tuấn Kiệt	20/11/2014	Tân Trường 2	8,00	8,50	
15	199	Lê Trí Kiệt	04/05/2014	Cao An	4,00	8,50	
16	200	Nguyễn Minh Kha	29/12/2014	Cẩm Đông	6,25	5,00	
17	201	Đặng Đức Khải	24/12/2014	Cẩm Đông	7,25	6,25	
18	202	Lê Quang Khải	09/01/2014	Tứ Minh	7,25	7,25	
19	203	Nguyễn Trọng Khải	28/11/2014	Lai Cách	9,00	7,50	
20	204	Nguyễn Gia Khang	20/10/2014	Lai Cách	7,00	6,50	
21	205	Nguyễn Minh Khang	24/09/2014	Lương Điền	6,00	5,50	
22	206	Nguyễn Ngọc Bảo Khang	20/11/2014	Tân Trường 2	8,25	7,00	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 10 (Từ số báo danh 207 - 228)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	207	Vũ Duy Khánh	06/09/2014	Cẩm Đông	6,50	5,50	
2	208	Trần Gia Khánh	15/02/2014	Lai Cách	8,50	8,00	
3	209	Vũ Gia Khánh	21/07/2014	Lai Cách	5,00	5,25	
4	210	Hoàng Ngân Khánh	12/11/2014	Lai Cách	7,25	4,50	
5	211	Nguyễn Ngân Khánh	24/01/2014	Cẩm Phúc	8,50	5,75	
6	212	Vũ Ngân Khánh	17/11/2014	Cẩm Đông	6,75	8,00	
7	213	Nguyễn Nhật Khánh	27/10/2014	Tân Trường 1	6,75	7,25	
8	214	Ngô Quốc Khánh	02/09/2014	Cẩm Đông	5,25	7,50	
9	215	Nguyễn Thị Kim Khánh	05/02/2014	Tân Trường 2	7,25	6,00	
10	216	Nguyễn Gia Khiêm	19/02/2014	Đức Chính	7,75	8,75	
11	217	Nguyễn Công Khoa	05/10/2014	Cẩm Điền	8,00	6,00	
12	218	Nguyễn Đăng Khoa	09/06/2014	Cao An	5,75	7,00	
13	219	Nguyễn Xuân Khoa	15/10/2014	Cẩm Điền	7,00	7,50	
14	220	Phạm Anh Khôi	11/03/2014	Cẩm Phúc	4,50	7,00	
15	221	Lê Duy Khôi	14/09/2014	Cẩm Điền	7,50	3,00	
16	222	Đoàn Quang Khuê	13/02/2014	Tân Trường 1	7,25	6,50	
17	223	Nguyễn Ngọc Bảo Lam	23/05/2014	Lai Cách	4,25	7,00	
18	224	Nguyễn Mai Lan	24/09/2014	Cẩm Hoàng	6,75	8,75	
19	225	Bùi Ngọc Lan	26/06/2014	Cẩm Điền	6,75	6,00	
20	226	Vũ Hoàng Lâm	17/10/2014	Cẩm Đoài	7,25	8,50	
21	227	Bùi Ngọc Hải Lâm	22/02/2014	Lương Điền	6,00	8,25	
22	228	Lê Tùng Lâm	19/03/2014	Cẩm Đoài	4,75	8,00	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 11 (Từ số báo danh 229 - 250)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	229	Phạm Tùng Lâm	20/04/2014	Cẩm Phúc	8,25	7,50	
2	230	Vũ Hồng Liên	01/02/2014	Lương Điền	7,25	6,00	
3	231	Nguyễn Thị Ngọc Liên	23/02/2014	Lai Cách	6,50	7,50	
4	232	Phạm Cẩm Linh	15/11/2014	Cao An	7,50	4,00	
5	233	Dương Gia Linh	25/11/2014	Tân Trường 1	8,25	5,25	
6	234	Phạm Gia Linh	07/03/2014	Tân Trường 1	8,50	8,00	
7	235	Nguyễn Hà Linh	13/03/2014	Tứ Minh	7,00	6,25	
8	236	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	10/01/2014	Cẩm Vũ	7,00	8,50	
9	237	Lưu Khánh Linh	25/01/2014	Cẩm Đoài	8,00	3,00	
10	238	Phạm Khánh Linh	23/08/2014	Cẩm Vũ	3,75	3,50	
11	239	Nguyễn Ngọc Linh	25/10/2014	Lai Cách	6,75	6,75	
12	240	Phạm Ngọc Phương Linh	03/03/2014	Lương Điền	7,75	4,00	
13	241	Nguyễn Phương Linh	17/06/2014	Cẩm Đoài	7,25	5,50	
14	242	Vũ Phương Linh	20/10/2014	Lai Cách	8,25	6,50	
15	243	Nguyễn Thị Thùy Linh	19/02/2014	Lương Điền	8,00	8,00	
16	244	Vũ Thị Thùy Linh	15/05/2014	Cẩm Đông	7,75	6,00	
17	245	Trần Thùy Linh	10/11/2014	Định Sơn	7,75	7,50	
18	246	Mai Thanh Loan	15/12/2014	Lai Cách	3,00	6,00	
19	247	Bùi Thị Thanh Loan	15/11/2014	Định Sơn	7,50	3,00	
20	248	Phạm Trần Bích Loan	17/04/2014	Lương Điền	7,00	5,50	
21	249	Hoàng Bá Bảo Long	07/08/2014	Lương Điền	6,25	7,00	
22	250	Đào Hải Long	26/11/2014	Lương Điền	5,00	8,25	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 12 (Từ số báo danh 251 - 272)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	251	Vũ Mạnh Long	01/12/2014	Cẩm Phúc	5,50	5,25	
2	252	Đào Minh Long	19/06/2014	Cẩm Điền	7,25	7,50	
3	253	Đặng Nhật Long	09/09/2014	Tân Trường 1	6,50	7,50	
4	254	Lê Nhật Long	17/10/2014	Cẩm Phúc	6,25	7,75	
5	255	Phạm Bình Lộc	28/01/2014	Định Sơn	6,50	5,75	
6	256	Lê Minh Lộc	28/02/2014	Cẩm Đông	7,50	6,25	
7	257	Nguyễn Bảo Luật	21/07/2014	Ngọc Liên	7,50	8,75	
8	258	Đỗ Phương Ly	06/06/2014	Cao An	7,50	7,50	
9	259	Vũ Quỳnh Mai	05/08/2014	Định Sơn	7,00	7,25	
10	260	Vũ Đức Mạnh	22/06/2014	Cẩm Đông	5,25	6,25	
11	261	Vũ Đức Minh	31/07/2014	Cao An	7,25	9,00	
12	262	Phùng Gia Minh	30/09/2014	Lai Cách	7,25	7,00	
13	263	Nguyễn Hà Nhật Minh	28/01/2014	Định Sơn	4,50	6,50	
14	264	Đào Nhật Minh	09/05/2014	Cẩm Đông	6,00	7,00	
15	265	Hoàng Nhật Minh	08/11/2014	Lai Cách	8,25	7,25	
16	266	Lê Nhật Minh	08/04/2014	Cẩm Điền	8,00	8,00	
17	267	Nguyễn Nhật Minh	04/09/2014	Cẩm Hoàng	6,50	6,50	
18	268	Nguyễn Nhật Minh	15/06/2014	Định Sơn	6,50	7,50	
19	269	Nguyễn Nhật Minh	15/12/2014	Tứ Minh	7,50	8,00	
20	270	Vũ Tấn Minh	07/01/2014	Tân Trường 1	7,00	5,25	
21	271	Nguyễn Trọng Minh	24/07/2014	Tân Trường 2	7,00	8,00	
22	272	Nguyễn Trọng Nhật Minh	07/11/2014	Tân Trường 1	7,50	7,50	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 13 (Từ số báo danh 273 - 294)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	273	Nguyễn Văn Nhật Minh	06/09/2014	Tân Trường 1	8,50	8,75	
2	274	Phạm Đào Thảo My	26/11/2014	Lai Cách	7,25	6,50	
3	275	Vũ Lê Trà My	09/02/2014	Cẩm Đoài	3,75	5,25	
4	276	Lê Nguyễn Trà My	28/01/2014	Tứ Minh	6,50	6,75	
5	277	Nguyễn Trà My	29/11/2014	Lai Cách	7,00	6,75	
6	278	Nguyễn Bảo Nam	06/07/2014	Lai Cách	7,50	8,25	
7	279	Nguyễn Hải Nam	07/08/2014	Tứ Minh	5,00	8,00	
8	280	Nguyễn Nhật Nam	05/01/2014	Lương Điền	7,50	8,00	
9	281	Đào Uyên Ninh	10/12/2014	Lai Cách	8,00	8,00	
10	282	Bùi Tuyết Nga	25/04/2014	Tứ Minh	6,00	5,00	
11	283	Phạm Kim Ngân	11/02/2014	Lai Cách	7,50	6,00	
12	284	Nguyễn Khánh Ngân	16/06/2014	Lai Cách	8,00	7,00	
13	285	Vũ Ngọc Kim Ngân	09/08/2014	Lương Điền	7,50	7,00	
14	286	Nguyễn Phương Ngân	26/08/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,00	
15	287	Phạm Quỳnh Ngân	13/01/2014	Cao An	7,50	7,00	
16	288	Lê Thị Kim Ngân	13/05/2014	Cẩm Đông	8,50	6,50	
17	289	Nguyễn Thị Kim Ngân	07/05/2014	Lai Cách	7,50	6,00	
18	290	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/03/2014	Lai Cách	6,50	5,00	
19	291	Đỗ Duy Nghĩa	04/12/2014	Lai Cách	7,00	7,50	
20	292	Triệu Hồng Nghĩa	25/01/2014	Tân Trường 1	7,00	5,75	
21	293	Vũ Ánh Ngọc	03/12/2014	Cẩm Vũ	5,50	7,50	
22	294	Nguyễn Bảo Ngọc	06/01/2014	Lai Cách	7,25	6,00	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 14 (Từ số báo danh 295 - 316)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	295	Trần Bảo Ngọc	29/09/2014	Cẩm Hoàng	7,00	4,75	
2	296	Lê Kim Ngọc	01/12/2014	Lai Cách	8,50	7,25	
3	297	Chu Lê Ánh Ngọc	11/05/2014	Tân Trường 1	6,50	6,00	
4	298	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	07/12/2014	Lai Cách	7,25	6,50	
5	299	Nguyễn Vũ Minh Ngọc	27/11/2014	Lai Cách	8,00	8,25	
6	300	Nguyễn Bình Nguyên	26/03/2014	Lai Cách	7,50	7,50	
7	301	Vũ Hoàng Nguyên	03/11/2014	Cẩm Đoài	6,25	7,50	
8	302	Đào Khôi Nguyên	06/12/2014	Lương Điền	7,50	7,50	
9	303	Phạm Phúc Nguyên	13/01/2014	Lý Tự Trọng	7,75	7,75	
10	304	Lê Thảo Nguyên	15/02/2014	Cẩm Hoàng	6,25	7,50	
11	305	Nguyễn Thảo Nguyên	04/02/2014	Lai Cách	8,25	5,50	
12	306	Vũ Thảo Nguyên	04/05/2014	Lai Cách	6,00	8,50	
13	307	Trần Thị Thảo Nguyên	06/04/2014	Tứ Minh	6,25	7,00	
14	308	Vũ Trung Nguyên	02/02/2014	Cẩm Đông	6,25	6,75	
15	309	Vương Thị Nhân	11/01/2014	Tân Trường 2	7,75	8,25	
16	310	Lê Đình Minh Nhật	07/04/2014	Lai Cách	7,75	6,50	
17	311	Phạm Huy Nhật	25/11/2014	Lai Cách	5,75	6,00	
18	312	Bùi Minh Nhật	27/09/2014	Lai Cách	4,50	2,50	
19	313	Đặng Bảo Nhi	09/10/2014	Cẩm Đoài	6,75	6,00	
20	314	Nguyễn Phương Nhi	31/07/2014	Tân Trường 1	6,50	4,25	
21	315	Đào Tuyết Lâm Nhi	21/09/2014	Đức Chính	7,75	7,50	
22	316	Ngô Thảo Nhi	04/06/2014	Cẩm Đông	7,75	6,75	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 15 (Từ số báo danh 317 - 338)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	317	Đàm Thị Nhi	09/05/2014	Lai Cách	7,00	5,50	
2	318	Nguyễn Thị Nhi	23/07/2014	Lai Cách	6,75	5,75	
3	319	Vũ Thị Thảo Nhi	08/02/2014	Lương Điền	8,50	6,50	
4	320	Mai Uyên Nhi	24/02/2014	Cẩm Đông	7,50	8,50	
5	321	Nguyễn Ngọc An Nhiên	31/07/2014	Cẩm Hoàng	6,50	7,25	
6	322	Phạm Hồng Nhung	01/03/2014	Đức Chính	7,00	7,50	
7	323	Cao Thị Phương Nhung	12/03/2014	Tân Trường 1	6,50	8,50	
8	324	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	07/08/2014	Đức Chính	5,50	6,75	
9	325	Phạm Ngọc Quỳnh Như	10/09/2014	Lai Cách	6,75	8,00	
10	326	Lê Trần Quỳnh Như	16/05/2014	Lai Cách	6,75	8,25	
11	327	Nguyễn Lâm Oanh	07/08/2014	Cẩm Đoài	6,75	6,25	
12	328	Đỗ Gia Phát	21/10/2014	Lai Cách	7,50	8,25	
13	329	Nguyễn Quang Phát	17/06/2014	Lai Cách	6,75	8,00	
14	330	Trần Văn Phát	29/03/2014	Cẩm Giang	4,00	6,75	
15	331	Lương Đức Phong	17/08/2014	Cẩm Điền	7,00	7,75	
16	332	Vũ Đức Nam Phong	18/09/2014	Lai Cách	7,50	5,75	
17	333	Nguyễn Đức Thanh Phong	15/03/2014	Thạch Lỗi	4,50	8,25	
18	334	Trịnh Hải Phong	22/02/2014	Cẩm Phúc	7,25	5,25	
19	335	Nguyễn Huy Phong	19/11/2014	Cẩm Phúc	6,25	8,00	
20	336	Vũ Minh Phong	06/03/2014	Cẩm Phúc	6,75	7,50	
21	337	Đồng Nam Phong	11/10/2014	Tứ Minh	6,75	6,50	
22	338	Bùi Quang Phong	06/04/2014	Định Sơn	6,25	7,75	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 16 (Từ số báo danh 339 - 360)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	339	Cao Tuấn Phong	14/07/2014	Cẩm Đoài	6,75	6,50	
2	340	Phạm Tuấn Phong	22/07/2014	Lương Điền	4,00	3,75	
3	341	Đoàn Vũ Tuấn Phong	29/12/2014	Cẩm Đông	6,00	7,00	
4	342	Nguyễn Văn Phú	06/01/2014	Cẩm Đông	7,50	6,50	
5	343	Đào Duy Phúc	24/06/2014	Cẩm Phúc	6,50	8,25	
6	344	Nguyễn Đức Phúc	09/07/2014	Tân Trường 1	4,25	5,75	
7	345	Lê Hoàng Phúc	01/12/2014	Cao An	7,50	9,00	
8	346	Hoàng Lương Phúc	27/04/2014	Cao An	6,25	7,75	
9	347	Nguyễn Thiên Phúc	11/04/2014	Tứ Minh	7,50	7,25	
10	348	Cao Xuân Phúc	17/03/2014	Cẩm Đoài	5,00	8,25	
11	349	Hoàng Xuân Phúc	09/12/2014	Cẩm Phúc	6,00	3,50	
12	350	Nguyễn Xuân Phúc	07/01/2014	Tân Trường 2	6,50	7,50	
13	351	Vũ Xuân Phúc	06/01/2014	Cẩm Đông	8,00	8,25	
14	352	Lưu Hữu Phước	03/07/2014	Cẩm Đông	7,50	8,25	
15	353	Lê Hà Phương	03/06/2014	Cao An	8,50	8,00	
16	354	Lương Hà Phương	05/04/2014	Cẩm Điền	7,00	6,00	
17	355	Nguyễn Hà Phương	07/01/2014	Cẩm Đoài	8,00	8,00	
18	356	Hoàng Mai Phương	29/08/2014	Đức Chính	6,00	2,50	
19	357	Nguyễn Mai Phương	06/09/2014	Tân Trường 1	6,00	3,75	
20	358	Lê Thị Hà Phương	12/09/2014	Cẩm Phúc	7,25	7,00	
21	359	Phạm Thị Hà Phương	06/11/2014	Định Sơn	5,50	5,00	
22	360	Nguyễn Thị Khánh Phương	02/10/2014	Lai Cách	7,75	8,00	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 17 (Từ số báo danh 361 - 382)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	361	Vũ Thu Phương	23/02/2014	Tân Trường 1	8,50	8,00	
2	362	Phạm Văn Phương	18/12/2014	Cẩm Đoài	8,00	6,50	
3	363	Lương Công Nhật Quang	29/10/2014	Cẩm Điền	7,00	7,75	
4	364	Nguyễn Minh Quang	14/04/2014	Lai Cách	6,50	6,25	
5	365	Nguyễn Nhật Quang	31/12/2014	Tứ Minh	6,75	7,50	
6	366	Phạm Quốc Quang	20/06/2014	Cẩm Hoàng	6,00	8,25	
7	367	Nguyễn Huy Hoàng Quân	31/10/2014	Lương Điền	7,00	6,25	
8	368	Hoàng Minh Quân	26/07/2014	Lai Cách	6,75	9,50	
9	369	Nguyễn Trọng Tùng Quân	26/05/2014	Lai Cách	6,75	8,25	
10	370	Nguyễn Xuân Phú Quý	28/01/2014	Cẩm Phúc	7,25	8,00	
11	371	Vũ Bảo Quyên	08/07/2014	Cẩm Đông	8,00	7,75	
12	372	Lê Đỗ Quyên	17/03/2014	Lai Cách	8,00	6,75	
13	373	Vũ Xuân Quyên	14/08/2014	Tân Trường 2	8,00	8,50	
14	374	Bùi Hữu Sang	08/08/2014	Định Sơn	7,75	8,50	
15	375	Trần Quang Sáng	25/02/2014	Tân Trường 1	7,25	8,00	
16	376	Cao Đức Tài	08/01/2014	Cẩm Đoài	6,25	8,25	
17	377	Vũ Tuệ Tâm	18/10/2014	Kẻ Sặt	6,75	5,00	
18	378	Nguyễn Thiên Tâm	07/11/2014	Cẩm Điền	6,50	3,50	
19	379	Nguyễn Thiện Tâm	10/06/2014	Cẩm Phúc	7,00	6,00	
20	380	Vũ Cao Minh Tiến	29/06/2014	Tân Trường 1	6,00	7,00	
21	381	Vũ Minh Toàn	11/01/2014	Cẩm Đông	7,00	6,75	
22	382	Nguyễn Đức Minh Tú	31/07/2014	Cẩm Đông	6,50	6,25	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



**BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH**

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 18 (Từ số báo danh 383 - 404)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	383	Mai Minh Tú	26/02/2014	Tân Trường 1	5,00	7,50	
2	384	Đào Xuân Anh Tú	19/11/2014	Lương Điền	6,75	7,25	
3	385	Đỗ Anh Tuấn	02/08/2014	Cẩm Đông	5,50	2,25	
4	386	Nguyễn Anh Tuấn	03/01/2014	Định Sơn	6,00	3,00	
5	387	Vũ Minh Tuệ	07/07/2014	Tân Trường 1	6,50	6,00	
6	388	Đào Minh Tùng	23/11/2014	Cao An	5,50	6,50	
7	389	Nguyễn Danh Thái	04/12/2014	Lai Cách	7,75	5,50	
8	390	Phạm Phước Thái	10/01/2014	Tân Trường 2	7,25	8,50	
9	391	Nguyễn Bá Thanh	02/08/2014	Lai Cách	7,25	7,00	
10	392	Lương Duy Thành	26/10/2014	Lai Cách	5,00	8,50	
11	393	Nguyễn Đình Thành	07/03/2014	Tân Trường 2	7,00	8,00	
12	394	Lê Trung Thành	16/01/2014	Lai Cách	6,25	8,00	
13	395	Phạm Trung Thành	06/07/2014	Lai Cách	6,50	7,50	
14	396	Đỗ Văn Tiến Thành	01/08/2014	Đức Chính	7,25	8,00	
15	397	Đặng Hoàng Phương Thảo	23/04/2014	Cao An	8,00	7,75	
16	398	Phạm Hương Thảo	23/06/2014	Lai Cách	8,00	8,25	
17	399	Nguyễn Lê Thanh Thảo	30/11/2014	Lai Cách	8,50	8,50	
18	400	Bùi Mai Phương Thảo	18/10/2014	Tứ Minh	7,50	7,75	
19	401	Nguyễn Ngọc Thảo	22/08/2014	Tứ Minh	6,75	8,25	
20	402	Đoàn Phương Thảo	09/12/2014	Tứ Minh	5,75	5,00	
21	403	Lương Phương Thảo	06/03/2014	Cẩm Điền	6,00	5,00	
22	404	Phạm Phương Thảo	08/07/2014	Tân Trường 2	6,00	2,50	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



**BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH**

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 19 (Từ số báo danh 405 - 426)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	405	Trần Phương Thảo	04/06/2014	Tứ Minh	5,25	5,50	
2	406	Vũ Phương Thảo	09/03/2014	Lai Cách	8,00	8,25	
3	407	Vũ Phương Thảo	14/12/2014	Cẩm Đoài	7,00	7,75	
4	408	Vũ Phương Thảo	16/09/2014	Lương Điền	7,50	7,75	
5	409	Vũ Phương Thảo	16/05/2014	Cẩm Đoài	6,25	6,25	
6	410	Phạm Thanh Thảo	27/04/2014	Cẩm Đoài	5,25	2,50	
7	411	Trần Thị Hương Thảo	07/04/2014	Đức Chính	7,00	7,75	
8	412	Phạm Thị Thanh Thảo	24/04/2014	Cẩm Đoài	7,50	8,00	
9	413	Nguyễn Thị Thu Thảo	23/03/2014	Lai Cách	7,75	7,50	
10	414	Vũ Thị Thu Thảo	05/06/2014	Tân Trường 1	8,00	7,00	
11	415	Quách Đình Tuấn Thịnh	20/05/2014	Tứ Minh	6,50	7,50	
12	416	Hoàng Quốc Thịnh	13/07/2014	Lai Cách	7,50	8,25	
13	417	Mai Anh Thư	19/10/2014	Lai Cách	6,25	4,50	
14	418	Bùi Anh Thư	08/01/2014	Cao An	8,00	8,50	
15	419	Vũ Anh Thư	04/10/2014	Thanh Bình	7,25	6,00	
16	420	Bùi Đoàn Anh Thư	10/01/2014	Lai Cách	7,25	4,75	
17	421	Nguyễn Minh Thư	28/01/2014	Định Sơn	7,25	7,75	
18	422	Phạm Minh Thư	20/03/2014	Cẩm Văn	6,50	6,25	
19	423	Trần Minh Thư	08/09/2014	Đức Chính	8,00	7,50	
20	424	Vũ Thị Anh Thư	03/06/2014	Lương Điền	6,50	7,25	
21	425	Trần Thị Minh Thư	17/03/2014	Định Sơn	8,00	6,50	
22	426	Phạm Hương Trà	21/11/2014	Định Sơn	8,00	7,25	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH
TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 20 (Từ số báo danh 427 - 448)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	427	Phùng Nguyễn Hương Trà	15/09/2014	Việt Hòa	7,00	7,00	
2	428	Nguyễn Hoàng Thanh Trang	19/03/2014	Long Xuyên	7,25	7,25	
3	429	Nguyễn Huyền Trang	02/11/2014	Cẩm Đoài	7,50	8,00	
4	430	Vũ Kiều Trang	11/12/2014	Tứ Minh	4,00	5,50	
5	431	Nguyễn Quỳnh Trang	15/07/2014	Tân Trường 1	6,00	8,25	
6	432	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/02/2014	Tân Trường 2	7,50	5,25	
7	433	Hoàng Thu Trang	20/02/2014	Lai Cách	7,50	7,00	
8	434	Phạm Thu Trang	26/08/2014	Cẩm Đông	5,75	2,50	
9	435	Vũ Vân Trang	13/11/2014	Lương Điền	8,00	6,75	
10	436	Đào Vũ Minh Trang	29/01/2014	Cẩm Phúc	8,25	8,25	
11	437	Ngô Bảo Trâm	12/06/2014	Cẩm Đông	7,25	6,00	
12	438	Nguyễn Ngọc Trâm	27/04/2014	Lai Cách	6,75	7,50	
13	439	Phạm Thị Bảo Trâm	28/06/2014	Cẩm Đông	7,50	7,00	
14	440	Nguyễn Bảo Trân	24/02/2014	Tân Trường 1	6,00	4,75	
15	441	Trần Bảo Trân	13/02/2014	Cẩm Vũ	4,75	4,00	
16	442	Phạm Nguyễn Bảo Trân	24/09/2014	Lai Cách	5,00	6,00	
17	443	Nguyễn Minh Trí	27/10/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,00	
18	444	Nguyễn Minh Trí	29/09/2014	Lai Cách	6,75	8,75	
19	445	Vũ Minh Trí	28/10/2014	Tân Trường 1	6,25	6,50	
20	446	Trương Đình Trung	17/10/2014	Định Sơn	5,50	8,75	
21	447	Nguyễn Thành Trung	18/11/2014	Lai Cách	5,50	6,50	
22	448	Bùi Xuân Nhật Trường	02/02/2014	Cẩm Điền	7,00	5,50	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh



BẢNG ĐIỂM
ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH

TUYỂN SINH LỚP 6 TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ, NĂM HỌC 2025 - 2026

Ngày kiểm tra: 07/06/2025

Phòng số: 21 (Từ số báo danh 449 - 570)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường tiểu học	Điểm		Ghi chú
					Tiếng Việt	Toán	
1	449	Lê Nguyễn Khánh Uyên	31/05/2014	Cao An	7,00	6,25	
2	450	Ngô Tuệ Uyên	26/04/2014	Cẩm Đông	4,00	2,50	
3	451	Đỗ Thị Bích Vân	06/01/2014	Tứ Minh	7,00	6,00	
4	452	Vũ Nam Việt	07/11/2014	Cẩm Đông	7,75	8,00	
5	453	Trần Công Vinh	20/01/2014	Tân Trường 2	6,00	7,00	
6	454	Trần Đức Vinh	05/06/2014	Cẩm Đông	7,50	8,00	
7	455	Nguyễn Hiền Vinh	19/07/2014	Tân Trường 2	8,75	7,50	
8	456	Đào Minh Vinh	04/04/2014	Tứ Minh	8,00	7,50	
9	457	Phạm Quang Vinh	29/11/2014	Cẩm Đông	7,50	6,25	
10	458	Nguyễn Sỹ Vinh	14/09/2014	Lai Cách	5,75	6,50	
11	459	Lưu Tiến Vinh	06/05/2014	Lai Cách	6,00	7,50	
12	460	Hoàng Anh Vũ	30/11/2014	Lai Cách	5,00	7,00	
13	461	Nguyễn Minh Vũ	25/11/2014	Tân Trường 2	6,50	6,75	
14	462	Nguyễn Thiên Hải Vũ	06/09/2014	Cẩm Điền	7,50	8,00	
15	463	Mai Xuân Vũ	02/07/2014	Lai Cách	7,50	8,25	
16	464	Vũ Hà Vy	28/05/2014	Cẩm Đông	6,50	6,75	
17	465	Lê Tường Vy	23/01/2014	Cẩm Đoài	6,00	6,50	
18	466	Lê Thị Phương Vy	23/01/2014	Cẩm Phúc	7,00	7,00	
19	467	Nguyễn Thị Tường Vy	18/05/2014	Cẩm Phúc	5,25	6,00	
20	468	Nguyễn Hải Yến	16/07/2014	Đức Chính	7,50	6,00	
21	469	Nguyễn Hải Yến	20/11/2014	Cẩm Đoài	6,75	8,50	
22	470	Vương Hải Yến	17/03/2014	Lai Cách	8,00	8,25	

Phòng kiểm tra gồm có 22 học sinh